TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Pc

Bản án số: **35**/2018/HSST
Ngày: 26/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Danh Hòa**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Văn KHến**
Ông **Hồ Viết Trung**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Bùi Hoàng Long** – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Quyết -** Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở tòa án nhân dân Huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 40/2018/HSST ngày 16 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn P (Tên gọi khác: Cu anh, Cu Bự)**, sinh năm 1989 tại Bình Phước; HKTT: Thôn T, xã B, Huyện P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Chạy xe ba gác; Trình độ văn hóa: 06/12; con ông Nguyễn C, sinh năm 1963 và bà Võ Thị H, sinh năm 1963; có ba chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình, Bị cáo có vợ tên là Hồ Thị Th, sinh năm 1987, Bị cáo có 02 người con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền sự; Tiền án: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2017 đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Hữu H (Tên gọi khác: Bờm)**, sinh năm 1997 tại Bình Phước; HKTT: Thôn T, xã B, Huyện P, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 02/12; con ông Nguyễn Hữu M, sinh năm không rõ và bà Lê Thị Đ, sinh năm không rõ; có ba anh em, bị cáo là con út trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: 01 Tiền án về tội "cướp tài sản" bị xử phạt 7 năm tù giam theo bản án số: 84 ngày 27 tháng 6 năm 2013 của TAND Huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, chấp hành xong hình phạt vào ngày 11/4/2017, chưa nộp án phí.

Tiền sự: Không; Ngày 27/10/2017 bị cáo thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" trên địa bàn Huyện Đ, tỉnh Bình Phước, ngày 08/02/2018 Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt bị cáo mức án 09 tháng tù bằng bản án hình sự số 13/2018/HSST ngày 08/02/2018, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2017 trong vụ án khác cho đến nay, (Có mặt).

**** Người bị hại:*** Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1974 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn P, xã P, Huyện P, tỉnh Bình Phước.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Ông **Nguyễn Phi H2**, sinh năm 1994 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn T, xã B, Huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 00 Pt, ngày 14/10/2017, P gọi cho H chuẩn bị một cái kìm cộng lực, sau đó H điều khiển xe Môtô hiệu Sirius màu đỏ (không rõ biển số kiểm soát) xe mượn của Nguyễn Phi H2, SN: 1994; Ngụ tại: Thôn T, xã B) chở P đi từ xã B xuống xã Phú Riềng để trộm cắp xe ba gác. H điều khiển xe Mô tô đến gần chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Phú Riềng, thuộc Thôn P, xã P, Huyện P, tỉnh Bình Phước thì P phát hiện xe ba gác nhãn hiệu 4G, màu xanh, BKS: 60Y2-3165 để trước hiên nhà nên P bảo H dừng xe lại bên ngoài, cách nhà ông H1 khoảng 20 mét đứng cảnh giới cho P cầm kìm cộng lực đi bộ vào vị trí để chiếc xe ba gác và cắt ổ khóa của sợi xích đang xích bánh trước của chiếc xe ba gác, tháo dây xích ra khỏi bánh xe rồi lên đẩy ra đường nhựa nổ máy xe. Sau đó H điều khiển xe mô tô của H còn P điều khiển xe ba gác vừa trộm được về bãi đất trống gần nhà để cất giấu. Sau đó P điện thoại cho L (chưa rõ họ) ở thôn 7, xã L, Huyện P nhờ L tìm người mua xe ba gác thì L cho P số điện thoại của một người tên B (chưa rõ nhân thân lai lịch) nhà ở Huyện B, P gọi điện cho B qua xã B để P bán xe ba gác vừa trộm được.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày B đến gặp P để mua chiếc xe ba gác, sau khi xem xe B trả giá chiếc xe là 12.000.000 đồng thì P đồng ý bán, B đưa cho P số tiền là 12.000.000 đồng và lấy xe (Hiện xe chưa thu hồi được). Sau khi bán được xe thì P chia cho H số tiền 6.000.000 đồng, còn lại số tiền 6.000.000 đồng P giữ tiêu xài cá nhân. Ngày 19/12/2017 Nguyễn Văn P ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi cùng Nguyễn Hữu H trộm chiếc xe ba gác nhãn hiệu 4G, màu xanh BKS: 60Y2-3165 của ông H1 tại thôn P, xã P, Huyện P vào ngày 14/10/2017.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 115/KL-HĐĐG ngày 15/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Huyện P xác định chiếc xe ba gác

nhãn hiệu 4G, màu xanh, BKS: 60Y2-3156 tại thời điểm ngày 14/10/2017 có giá trị bằng tiền là 31.000.000 (Ba mươi mốt triệu đồng).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Hữu H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 20/CTr-VKS ngày 15/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện P, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Hữu H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 33; Điều 45; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 138; Điều 33; Điều 45; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H mức án từ 20 đến 26 tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý về vật chứng và trách nhiệm dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát Viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên: Viện kiểm sát nhân dân Huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng truy tố. Xét lời khai của các bị cáo và lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng của vụ án thu được, kết luận định giá tài sản có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do bản thân lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Văn P nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và rủ Nguyễn Hữu H tham gia thì H đồng ý. Khoảng 01 giờ 00 Pt, ngày 14/10/2017, lợi dụng sơ hở của gia đình ông Nguyễn Văn H1 tại thôn P Cường, xã P, Huyện P các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn

Hữu H thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe ba gác nhãn hiệu 4G, màu xanh, BKS: 60Y2-3165 trị giá 31.000.000 đồng.

Như vậy, các bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Hữu H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tài sản chiếm đoạt của bị hại là 31.000.000 đồng. Hành vi này của các bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3]. Vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Nguyễn Văn P vừa là người khởi xướng, vừa là người vào chiếm đoạt tài sản của bị hại ông Nguyễn Văn H1. Về nhân thân đây là lần đầu bị cáo phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999. Vì vậy, HĐXX nhận thấy cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trên để lượng hình.

Bị cáo Nguyễn Hữu H là người chuẩn bị công cụ và là người cảnh giới để bị cáo P vào chiếm đoạt tài sản. Về nhân thân, bị cáo là người đã bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản và bị Tòa án nhân dân Huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 07 năm tù về tội "Cướp tài sản" đến ngày 11/4/2017 bị cáo mới chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tự cải tạo mình thành người có ích cho gia đình và xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Điều này thể hiện bị cáo là người lười lao động không biết ăn năn hối cải, xem thường pháp luật và tài sản của người khác nên cần phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Do bị cáo phạm tội chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này đã thuộc trường hợp tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngoài ra, sau khi phạm tội ở địa bàn Huyện P xong bị cáo lại tiếp tục xuống địa bàn Huyện Đồng thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/10/2017 và ngày 08/02/2018 Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt bị cáo mức án 09 tháng tù bằng bản án hình sự số 13/2018/HSST ngày 08/02/2018 (Bản án này đã có hiệu lực pháp luật). Do vậy, cần áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của bản án này thành hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành theo quy định của pháp luật.

[4]. Hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng, thể hiện sự liều lĩnh, táo bạo, có sự theo dõi, tính toán, chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi thực hiện. Hành vi này trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

Vì vậy, cần xử các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5]. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi quyết định hình phạt cho bị cáo cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Văn P thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo Nguyễn Hữu H thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại các điểm p khoản 1 Bộ luật hình sự năm 1999.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và phần hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Nguyễn Văn L qua xác minh đã bỏ đi khỏi địa phương và đi đâu không rõ. Cơ quan điều tra chưa làm việc được đối với L không có căn cứ để xác định được L có đồng phạm với các bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản trong vụ án này. Cơ quan CSĐT Công an Huyện P tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau nên HĐXX không xem xét.

Đối với tên B (không rõ nhân thân lai lịch) ở Huyện Bù Đố là người mua xe của bị cáo P cơ quan điều tra chưa xác nhận được nhân thân lai lịch đề nghị xác minh xử lý sau nên HĐXX không xem xét.

Đối với bé Hai (bạn gái H) theo lời khai của P, H đã có hành vi chứa chấp tài sản nhưng qua làm việc bé Hai không thừa nhận không có cơ sở xem xét xử lý nên HĐXX không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa bị hại Nguyễn Văn H1 yêu cầu các bị cáo P và H liên đới bồi thường giá trị xe ba gác nhãn hiệu 4G, màu xanh, BKS: 60Y2-3165 là 30.000.000 đồng (Theo kết quả định giá tài sản). Bị cáo P phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng, bị cáo H phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng.

Các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Cần ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo với các bị hại.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 sợi dây xích màu xám có các vòng xích móc nối lại với nhau có chiều dài 2,2m và 01 ổ khóa màu vàng có hiệu LOCK YATI còn nguyên và 01 ổ khóa màu vàng có hiệu "XX" đã bị cắt đứt móc khóa qua điều tra xác minh đây là tài sản hợp pháp của ông H1, tuy nhiên ông H1 không yêu cầu trả lại. Nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 kìm cộng lực màu đen có hai tay cầm bằng cao su có chiều dài 45cm mà P và H sử dụng cắt ổ khóa và dây xích để trộm chiếc xe ba gác, đây là công cụ mà P và H sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37 màu trắng có gắn sim 11 số mà P sử dụng để liên hệ để bán chiếc xe ba gác P khai nhận chiếc điện thoại trên sau đó P đã làm rơi mất nhưng không xác định được rơi mất ở đâu nên không thu hồi được do đó không đề cập xử lý nên HĐXX không xem xét.

Đối với 01 xe Mô tô hiệu Sirius màu đỏ đen, BKS: 93P1-112.22 mà P và H sử dụng làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội H khai nhận chiếc xe trên do H mượn của Nguyễn Phi H2, SN:1994 HKTT: Thôn T, xã B, Huyện P, tỉnh Bình Phước. Qua làm việc Hùng khai nhận chiếc xe trên do Hùng mua lại của một người phụ nữ không rõ nhân thân lai lịch với giá 15.000.000 đồng, quá trình sử dụng Hùng có cho H mượn chiếc xe trên nhưng Hùng không biết H mượn để đi trộm cắp, sau khi H trả xe thì Hùng đã bán chiếc xe trên cho một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch với giá 10.000.000 đồng. Không thu hồi được chiếc xe trên do đó không đề cập xử lý nên HĐXX không xem xét

Án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Văn P và Nguyễn Hữu H** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P** 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19-12-2017.

- Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 33; Điều 45; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu H** 20 (Hai mươi) tháng tù;

Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 13/2018/HSST ngày 08/02/2018 của Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu H phải chấp hành hình phạt chung là 02 (Hai) năm 05 (Năm) tháng, thời hạn tù tính ngày 27/10/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại như sau:

Các bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Văn H1 cụ thể như sau:

- Bị cáo Nguyễn Văn P bồi thường cho ông Nguyễn Văn H1 15.000.000 (Mười lăm triệu đồng)

- Bị cáo Nguyễn Hữu H bồi thường cho ông Nguyễn Văn H1 15.000.000 (Mười lăm triệu đồng)

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày đại diện nguyên đơn dân sự có yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thực hiện việc trả số tiền nêu trên, thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm chậm thi hành án.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 sợi dây xích màu xám có các vòng xích móc nối lại với nhau có chiều dài 2,2m và 01 ổ khóa màu vàng có hiệu LOCK YATI còn nguyên và 01 ổ khóa màu vàng có hiệu "XX" đã bị cắt đứt móc khóa.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 về án phí, lệ phí các bị cáo **Nguyễn Văn P và Nguyễn Hữu H** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn đồng*)

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp số tiền 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), Nguyễn Hữu H phải nộp số tiền 750.000 (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết tại chính quyền địa phương./.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND Huyện Phú Riềng;*
- *Chi cục THADS Huyện Phú Riềng;*
- *CA Huyện Phú Riềng;*
- *Nhà tạm giữ CA Huyện Phú Riềng*
- *Bị cáo; người tham gia tố tụng*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Mai Danh Hòa